

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2018/DS-ST
Ngày: 27-7-2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

2. Ông Phạm Thạch Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh – Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Mỹ PH–Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2016/TLST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2016 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2018 và thông báo dời phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (S)

Địa chỉ: Lầu 8 -226-268 N , P8, Q 3, Thành phố H

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Huy Kh –Tổng giám đốc theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0301103908 đăng ký lần đầu ngày 13/01/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 37 ngày 30/12/2015.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Ph – Giám đốc trung tâm thẻ theo giấy ủy quyền số 4754/2015/QUQ-PL&TT ngày 24/12/2015.

Người được ủy quyền lại: Ông Đinh Văn Ngh - Phó phòng giao dịch huyện C, chi nhánh An Giang theo giấy ủy quyền số 1009/2017/UQ-TTT ngày 02/01/2017. Đến ngày 25/7/2018 giấy ủy quyền số 1310/2018/UQ-TTT ủy bỏ ủy quyền với ông Đinh Văn Nghị theo văn bản ủy quyền số 1009/2017/UQ-TTT ngày 02/01/2017. Ủy quyền lại cho bà Nguyễn Xuân H (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàn V, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 365, tổ 18, ấp Vĩnh Thới, xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 17/4 T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/06/2016 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Ngân hàng tH mại cổ phần Sài Gòn T (Sacombank) do bà Nguyễn Xuân H đại diện trình bày:

Vào ngày 21/8/2012 Ngân hàng tH mại cổ phần Sài Gòn T với ông Nguyễn Hoàn V có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đối với 02 thẻ tín dụng: 01 thẻ Visa số 472074-2181 lãi suất 2,15%/01 tháng và 01 thẻ Family số 970403-8525, lãi suất là 2,5%/01 tháng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - gọi chung là hợp đồng); Lãi suất thỏa thuận tính trên từng giao dịch phát sinh trong thông báo giao dịch và bao gồm cả lãi phí được quy định tại Điều 22 trong bảng điều khoản và điều kiện phát thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của ông V, Ngân hàng S đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 10.000.000 đồng/01 thẻ (Mười triệu đồng) mục đích tiêu dùng cá nhân, vay không thế chấp tài sản. Sau khi được cấp thẻ, ông V đã thực hiện các giao dịch đối với hai thẻ trên tính đến ngày 10/5/2016 với tổng số tiền 36.802.095 (Ba mươi sáu, tám trăm lẻ hai ngàn, không trăm chín mươi lăm đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông V thanh toán cho Ngân hàng số tiền 34.920.000đ (Ba mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng). Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông V vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, ngày 23/5/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng TMCP Sài Gòn T yêu cầu ông Nguyễn Hoàn V trả số tiền nợ tính đến ngày 10/5/2016 số tiền nợ gốc đến hạn: 10.062.568đ và lãi quá hạn: 8.674.256 đồng. Tổng cộng vốn lãi số tiền là 18.736.824đ (Mười tám triệu, bảy trăm ba mươi sáu ngàn, tám trăm hai mươi bốn đồng). Đồng thời, yêu cầu ông V có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/5/2016 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàn V vắng mặt trong quá trình tố tụng nên không trình bày ý kiến. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Ngọc Thanh T vắng mặt trong quá trình tố tụng nên không trình bày ý kiến

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn do bà Nguyễn Xuân H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu ông Nguyễn Hoàn V phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 10.062.568đ (Mười triệu, không trăm sáu mươi hai ngàn, năm trăm sáu mươi tám đồng) và lãi tạm tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày

27/7/2018: Lãi đối thẻ Visa là 4.037.946đ (Bốn triệu không trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm bốn mươi sáu đồng; Lãi đối với thẻ Family 14.390.448đ (Mười bốn triệu, ba trăm chín mươi ngàn, bốn trăm bốn mươi tám đồng). Tổng cộng vốn lãi là 28.507.456đ (Hai mươi tám triệu, năm trăm lẻ bảy ngàn, bốn trăm năm mươi sáu đồng); Sau ngày xét xử sơ thẩm tức ngày 28/7/2018 ông V phải thanh toán cho Ngân hàng lãi phát sinh theo hợp đồng. Đồng thời, không yêu cầu bà Thanh T liên đới trách nhiệm trả nợ với ông V.

- Bị đơn ông Nguyễn Hoàn V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc Thanh vắng mặt không tham gia phiên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bị đơn có trách nhiệm trả số tiền vốn lãi tạm tính đến ngày 27/7/2018 tổng cộng số tiền là 28.507.456đ (Hai mươi tám triệu, năm trăm lẻ bảy ngàn, bốn trăm năm mươi sáu đồng)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T khởi kiện yêu cầu giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông V nơi cư trú tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1.2 Về thủ tục ủy quyền: Việc ủy quyền và ủy quyền lại phù hợp với các quy định tại các Điều 562, 564 Bộ luật dân sự 2015. Bà Nguyễn Xuân H tham gia tố tụng với tư cách người đại diện hợp pháp của nguyên đơn được quy định tại Điều 85 và Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được HĐXX xem xét chấp nhận

1.3 Về xác định mối quan hệ giữa ông V, bà Thả : Tòa án có văn bản gửi Tư pháp phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang để trích lục bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa ông V với bà T thể hiện ông bà có mối quan hệ vợ chồng được thể hiện qua trích lục số 2901/TLKH-BS ngày 10/5/2018 của UBND phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Ông V, bà T có đăng ký kết hôn tại số 101 ngày 12/12/2012. Hôn nhân giữa ông V, bà T được xác lập vào năm 2012 ,việc đăng ký kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9,

Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và cũng phù hợp với Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực từ 01/01/2015, do đó quan hệ hôn nhân giữa ông V, bà T là quan hệ hôn nhân hợp pháp

1.4 Về xác định tư cách đương sự trong vụ án: Tại mục thông tin tham chiếu của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng thương mại Cổ phần Sài Gòn T với ông Nguyễn Hoàn V thể hiện bà Nguyễn Ngọc Thanh T là vợ ông V. Do đó, Tòa án đưa bà T tham gia trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

1.5 Về sự có mặt của đương sự tại nơi cư trú: Căn cứ vào các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án gồm: Biên bản xác minh nơi cư trú đương sự ngày 29/01/2018 tại Công an xã V, huyện Châu T, An Giang; Bản sao sổ hộ khẩu số 82/VH đều thể hiện ông V vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp V, xã V, huyện Ch, tỉnh An Giang; Hiện không có mặt tại địa phương nhưng vẫn đi đi, về về địa phương

Địa chỉ trên cũng được ghi trong giao dịch hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T (S) với ông Nguyễn Hoàn V thể hiện qua: “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng”. Do đó, ông V có thay đổi nơi cư trú phải trình báo cho chính quyền địa phương và phải có nghĩa vụ thông báo cho Ngân hàng (S) biết về nơi cư trú mới. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự 2015; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đây được coi là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Đối với bà Nguyễn Ngọc Thanh T, Tòa án đã xác minh nơi cư trú của bà tại Công an phường M thành phố L, tỉnh An Giang, biên bản ngày 07/6/2017 hiện nay bà có mặt tại địa chỉ 17/4/T, khoám Đ 1, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (Sổ sổ hộ khẩu 2009 MX)

1.5 Về quyền, nghĩa vụ của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hoàn V và bà Nguyễn Ngọc Thanh T được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần trong quá trình tố tụng như: phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo đối chất; Nhưng ông V, bà T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Phiên đối chất và cũng không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình. Ông V, bà T đã thể hiện sự không tôn trọng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như từ bỏ quyền và không thực hiện các nghĩa vụ của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quy định tại các Điều 70; 72 và 73 BLTTDS năm 2015.

1.6 Về sự có mặt của đương sự: Các thủ tục tố tụng của Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông V, bà T đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông V, bà T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông V, bà T

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/8/2012 xác định giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn T với ông Nguyễn Hoàn V có xác lập hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đối với 02 thẻ tín dụng: 01 thẻ Visa số 472074-2181 lãi suất 2,15%/01 tháng và 01 thẻ Family số 970403-8525, lãi suất là 2,5%/01 tháng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng gọi chung là hợp đồng) . Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa hai bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, hình thức và nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật hay trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp.

Trong quá trình sử dụng thẻ, phía bị đơn đã vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng TMCP Sài Gòn T yêu cầu trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 27/7/2018 số tiền là 28.507.456đ (Hai mươi tám triệu, năm trăm lẻ bảy ngàn, bốn trăm năm mươi sáu đồng); Trong đó tiền vốn là 10.062.568đ (Mười triệu, không trăm sáu mươi hai ngàn, năm trăm sáu mươi tám đồng); Lãi đối với thẻ Visa là 4.037.946đ (Bốn triệu không trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm bốn mươi sáu đồng); Lãi đối với thẻ Family 14.390.448đ (Mười bốn triệu, ba trăm chín mươi ngàn, bốn trăm bốn mươi tám đồng).

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn T với ông V xác lập trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật chịu sự điều chỉnh Bộ luật dân sự 2005. Tuy nhiên, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688 BLDS 2015 giao dịch dân sự đang được thực hiện mà về nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015. Do đó, hợp đồng vay sản giữa các bên đương sự chịu sự điều chỉnh BLDS 2015, phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Ông V đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã giao kết, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V thanh toán vốn, lãi suất quá hạn theo thỏa thuận là có cơ sở chấp nhận được quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10- 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *“Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm: lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay mà đến thời điểm xét xử sơ thẩm khách hàng vay chưa thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp này, khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của*

ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay”.

Đối với bà Nguyễn Ngọc Thanh T, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T không yêu cầu bà T liên đới trách nhiệm trả nợ . Do đó, HĐXX căn cứ Điều 5 BLTTDS quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, không xem xét.

Từ những phân tích và nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX xem xét, chấp nhận. Do đó ông V phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 27/7/2018 tổng số tiền là 28.507.456đ (Hai mươi tám triệu, năm trăm lẻ bảy ngàn, bốn trăm năm mươi sáu đồng); Đồng thời, buộc ông V phải trả lãi chậm thanh toán phát sinh trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - gọi chung là hợp đồng

[3] Về án phí sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP Sài Gòn T được chấp nhận, nên không phải chịu án phí. Ngân hàng TMCP Sài Gòn T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp được quy định tại Điều 144 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015

Ông Nguyễn Hoàn V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm được quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, Điều 86, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 3 Điều 40, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 562, Điều 564 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước. Hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa

chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10- 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (Sacombank) đối với ông Nguyễn Hoàn V

Buộc ông Nguyễn Hoàn V có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (S) số tiền 28.507.456đ(Hai mươi tám triệu, năm trăm lẻ bảy ngàn, bốn trăm năm mươi sáu đồng).

Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.425.373đ (Một triệu, bốn trăm hai mươi lăm ngàn, ba trăm bảy mươi đồng). Hoàn trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí là 468.500đ (Bốn trăm sáu mươi tám ngàn, năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0000152 ngày 04/8/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thùy Trang